TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2018/DS-ST
Ngày 09/10/2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Lắm

2. Ông Vi Quốc Thanh

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Lê Thị Lăng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Chấm – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa công khai xét xử vụ án dân sự đã thụ lý số: 61/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2018/QĐXXST – DS ngày 31/8/2018. Quyết định hõan phiên tòa số: 75/2018/QĐST-DS ngày 18/9/2018. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Văn T, sinh năm 1982; Trú tại: ấp T, xã Tân T, huyện M, tỉnh B. (có mặt)

2. Bị đơn: Lê Thị H, sinh năm 1963; Trú tại: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B (vắng mặt không lý do)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Phạm Văn H, sinh năm 1965; Trú tại: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2018 cũng như trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày như sau:

Vào ngày 22/11/2016 bà Lê Thị H có vay của anh Lê Văn T số tiền 100.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận không lãi suất, thời hạn thanh toán là vài tháng. Khi vay bà H không nói mục đích vay và vay không có ông Phan Văn H. Đến nay bà Lê Thị H không có trả cho anh T số tiền nêu trên. Nay anh Lê Văn T

yêu cầu bà Lê Thị H, ông Phan Văn H liên đới trả cho anh Thơ 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn H trình bày: Việc chơi hụi và vay tiền của bà H, ông H không biết. Ông H và bà H là vợ chồng, sống chung nhà. Ông H làm vườn và chăn nuôi, còn bà H làm nội trợ, tiền chi tiêu hằng ngày trong nhà có từ nguồn thu nhập từ dừa và chăn nuôi. Lúc trước ông H có nghe bà H chơi hụi nhưng ông H không cho bà H tham gia. Bà H nói việc của bà H thì bà H làm không liên quan đến ông H. Đến ngày 24/3/2018 bà H bỏ nhà đi thì bà con đến đòi tiền ông H mới biết. Nay ông Phan Văn H không đồng ý cùng bà H liên đới trả tiền vay của anh T. Vì bà H vay tiền của anh T, ông H không biết và số tiền đó bà H không có đem về cho gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Hội đồng xét xử đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Còn bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình cụ thể không đến theo triệu tập của tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng điều 466 Bộ luật dân sự. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn Thơ. Buộc bà Lê Thị H hoàn trả cho anh Lê Văn T tiền vay là 100.000.000 đồng. Bác yêu cầu buộc ông Phan Văn H liên đới cùng bà H trả tiền cho anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe các đương sự phát biểu tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn anh Lê Văn T yêu cầu bà Lê Thị H và ông Phan Văn H liên đới trả cho anh T 100.000.000 đồng. Căn cứ vào điều 463 Bộ luật dân sự xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

[2] Thẩm quyền xét xử: Theo xác nhận ngày 27/3/2018 của Công an xã T xác nhận bà Lê Thị H và ông Phan Văn H có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xã T, huyện M, tỉnh B. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh B.

[3] Thời hiệu khởi kiện: Theo giấy tay do bà H viết vay tiền của anh T thể hiện trả ngày 22/11/2016 đến ngày 28/3/2018 anh Lê Văn T khởi kiện tại Tòa án. Căn cứ vào điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thì còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Nội dung vụ án:

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Văn T yêu cầu bà Lê Thị H và ông Phạm Văn H liên đới hoàn trả cho anh T 100.000.000 đồng. Bà Lê Thị H đã bỏ địa phương đi từ tháng 3/2018 đến nay nên không tham gia hòa giải và không có ý kiến về việc anh T khởi kiện bà H và ông H, còn ông Phạm Văn H không đồng ý cùng bà Lê Thị H liên đới trả cho anh T vì ông H cho rằng bà H vay tiền ông H không biết và cũng không đem tiền về cho gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy anh Lê Văn T cung cấp chứng cứ là giấy tập học sinh không tựa đề, có nội dung " Lê Thị H có mượn Lê Văn T số tiền 100.000 một trăm triệu 22T11 2016. Số tiền là một trăm triệu người mượn Lê Thị H". Sau khi thụ lý vụ án anh Lê Văn T yêu cầu thu thập chứng cứ bằng biện pháp giám định chữ viết, chữ ký của bà Lê Thị H trong giấy viết tay anh T cung cấp. Qua kết luật giám định số: 117/2018/GĐTL ngày 02/7/2018 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bến Tre kết luận chữ ký, chữ viết tên Lê Thị H trong giấy tập học sinh không tựa đề, có nội dung "Lê Thị H có mượn Lê Văn T số tiền 100.000 một trăm triệu 22T11 2016. Số tiền là một trăm triệu người mượn Lê Thị H" do anh T cung cấp và mẫu so sánh là cùng một người viết ra. Từ những chứng cứ anh Lê Văn T cung cấp đã chứng minh bà Lê Thị H có vay tiền của anh Lê Văn T vào ngày 22/11/2016 với số tiền là 100.000.000 đồng. Bà Lê Thị H không có ý kiến cũng không có chứng cứ chứng minh đã trả cho anh Lê Văn T số tiền đã vay là 100.000.000 đồng. Xét thấy anh Lê Văn T yêu cầu bà Lê Thị H trả 100.000.000 đồng là có căn cứ.

Ông Phan Văn Hai là chồng bà Lê Thị H trong quá trình giải quyết vụ án ông H không đồng ý cùng bà H trả cho anh T 100.000.000 đồng vì ông H không biết bà H vay tiền của anh T và bà H cũng không đem tiền về cho gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T cũng thừa nhận khi bà H vay tiền anh T không có ông H đi cùng và anh T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà H vay tiền của anh T về nhằm phục vụ gia đình. Do đó, anh T yêu cầu ông Pham Văn H cùng bà H liên đới trả cho anh T 100.000.000 đồng là chưa có căn cứ.

Bà Lê Thị H đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ vào điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Lê Thị H.

[5] Do bà Lê Thị H là người vi phạm hợp đồng vay nên bà H phải chịu chi phí giám định là 1.050.000 đồng, anh Lê Văn T đã nộp xong nên bà H phải có nghĩa vụ hoàn lại cho anh T.

[6] Án phí dân sự giá ngạch sơ thẩm bà Lê Thị H phải chịu là 5.000.000 đồng theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Hoàn trả cho anh Lê Văn T tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn anh Lê Văn T.

Buộc bà Lê Thị H hoàn trả cho anh Lê Văn T số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Bác yêu cầu của anh Lê Văn T yêu cầu ông Phan Văn H liên đới cùng bà Lê Thị H trả cho anh T 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Án phí dân sự giá ngạch sơ thẩm: bà Lê Thị H phải nộp 5.000.000 đồng.

Hoàn trả tạm ứng án phí cho anh Lê Văn T là 2.500.000 đồng tại biên lai thu số 0009212 ngày 02/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

3. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tòa án tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thuý